

Số: 55 /BC-DVCI

Cần Giờ, ngày 08 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ năm 2014

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY :

1. Những sự kiện quan trọng :

1.1. Việc thành lập:

Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ hiện nay, tiền thân là Đội duy tu cầu đường trực thuộc Phòng Giao thông Vận tải huyện Duyên Hải, được thành lập năm 1982 với nhiệm vụ duy tu đường Hương lộ I.

Ngày 29 tháng 12 năm 1992, Đội duy tu cầu đường được chuyển thành Xí nghiệp công trình giao huyện (doanh nghiệp Nhà nước) trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải (nay là huyện Cần Giờ) theo Quyết định số 295/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố với số vốn 325.000.000 đồng, với nhiệm vụ xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông theo phân cấp. Đến ngày 17/9/1996, được xếp là doanh nghiệp hạng IV và được bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 4255/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố gồm thi công xây dựng các công trình thủy lợi, thực hiện các dịch vụ công cộng thuộc ngành giao thông công chánh và số vốn tăng lên 3.198.310.013 đồng.

Đến năm 1997, Xí nghiệp Công trình giao thông huyện Cần Giờ đổi tên thành Xí nghiệp Công trình giao thông – đô thị Cần Giờ, là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và được nâng lên thành doanh nghiệp hạng III theo Quyết định số 4412/QĐ-UB-CNN ngày 06/7/2000 và tăng vốn lên mới là 6.761.772.308 đồng.

Năm 2002, Xí nghiệp công trình giao thông đô thị Cần Giờ đổi tên thành Công ty Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ theo Quyết định số 4544/QĐ-UB ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố và được bổ sung vốn tăng lên 17.278.652.836 đồng.

Ngày 05 tháng 7 năm 2010, Công ty Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ theo Quyết định số 2886/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh và là doanh nghiệp được xếp hạng II.

1.2. Vốn điều lệ:

Ngày 29 tháng 12 năm 1992 là 325.000.000 đồng.

Ngày 17 tháng 9 năm 1996 là 3.198.310.013 đồng.

Ngày 30 tháng 6 năm 1997 là 3.313.310.013 đồng.

Ngày 01 tháng 9 năm 2000 là 6.761.772.308 đồng.

Ngày 16 tháng 8 năm 2004 là 17.278.652.836 đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 28.005.000.000 đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 29.844.000.000 đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 38.783.000.000 đồng.

2. Quá trình phát triển:

- Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp:

+ Công ty được nhà nước giao quản lý và sử dụng vốn, tài sản, đất đai, xây dựng chiến lược dài hạn nhằm khai thác hiệu quả và phát triển.

+ Đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết cùng ngành, chi phối các Công ty con theo mức độ nắm giữ vốn điều lệ của các Công ty đó theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Điều lệ công ty con.

+ Trực tiếp kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật. Các quan hệ kinh tế giữa Công ty với các doanh nghiệp thành viên được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

+ Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông tại các doanh nghiệp thành viên.

+ Thực hiện những công việc khác mà Nhà nước trực tiếp giao.

+ Giữ vai trò trọng tâm để lãnh đạo, điều hành và chi phối hoạt động của các doanh nghiệp thành viên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Điều lệ của các doanh nghiệp (*đơn vị*) thành viên nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất của các Công ty và của từng doanh nghiệp thành viên.

- Mục tiêu kinh doanh: Công ty tiếp tục phát triển các hoạt động, kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu đầu tư tại công ty, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động, hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao.

- Ngành, nghề kinh doanh chính :

+ Hoạt động công ích: quản lý, duy tu cầu đường bộ, tuyến kè bờ biển và đê thủy lợi nội đồng theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao; Cung ứng nước ngọt cho cộng đồng dân cư trên địa bàn; Quản lý, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng.

+ Hoạt động khác: San lấp mặt bằng; Quản lý và cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước; Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng thuộc nhóm C (gồm công trình phúc lợi công cộng, trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà ở cơ quan, cơ sở sản xuất và dân dụng); Tư vấn khảo sát thiết kế, thi công các công trình giao thông, thủy lợi; Thi công các công trình cấp thoát nước; Khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng gồm: cát, đá, đất, sỏi, bê tông nhựa nóng (chỉ khai thác cát, đá, đất, sỏi khi được cấp giấy phép quy định); Đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê.

Điều lệ công ty: Thực hiện theo Điều lệ Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ ban hành kèm theo Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2011 của Chủ tịch UBND thành phố.

- Tình hình hoạt động: Năm 2014, Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu tài chính do UBND thành phố giao, cụ thể:

Doanh thu: 55,450,983,854 đồng.

Lợi nhuận trước thuế 5,113,353,161 đồng.

Các khoản nộp ngân sách: theo quy định Nhà nước.

Vốn chủ sở hữu 38.783.000.000 đồng, bảo toàn vốn Chủ sở hữu.

Vốn Điều lệ 38.783.000.000 đồng.

Vòng quay vốn : 1,44 vòng.

Hệ số bảo toàn vốn chủ sở hữu $1,019 > 1$ (Bảo toàn vốn)

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước 13% .

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu 9%.

3. Định hướng phát triển:

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp:

- Tổng doanh thu hàng năm tăng 10%/ năm.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ tổng doanh thu đạt trên 6%/năm.
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu $> 15%$ năm.
- Bảo đảm đủ việc làm, thực hiện đầy đủ các chế độ của người lao động, nâng thu nhập bình quân của CBCNV tăng 7 % năm; đến năm 2020 đạt thu nhập 9.500.000 đồng/người/tháng.
- Tập trung lãnh đạo hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần đúng thời hạn quy định.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tận dụng và phát huy tối đa mọi nguồn lực hiện có để phục vụ sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn hoạt động, đa dạng hóa ngành nghề, duy trì phát huy ngành nghề truyền thống là cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích, phát triển mạnh lĩnh vực thi công xây dựng công trình và xác định đây là lĩnh vực mũi nhọn mang tính đột phá nhằm đảm bảo tăng trưởng doanh thu hằng năm $\geq 10%$ năm.
- Tiếp tục đầu tư các thiết bị cơ giới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí thi công do phải thuê mướn thiết bị.
- Tập trung mở rộng liên doanh, liên kết với các công ty lớn mạnh để đấu thầu thi công các công trình có quy mô, giá trị lớn (trên 20 tỷ đồng) và tiến hành đầu tư, đổi mới phương tiện, thiết bị để nâng cao năng lực, uy tín của Công ty trên thị trường xây dựng. Phân đấu đưa doanh thu từ hoạt động đấu thầu thi công công trình và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm trên 70% trên tổng doanh thu. Trong đó, tập trung vào các dự án như công trình kè đê biển; xây dựng nhà máy xử lý rác 30ha và các dự án do các doanh nghiệp tư nhân đầu tư trên địa bàn.
- Thực hiện Cổ phần hóa doanh nghiệp vào năm 2016; mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và tăng cường hợp tác với đối tác trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

II. BÁO CÁO CHUNG :

- Những nét nổi của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014):

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2014

(Báo cáo số 0028/2015/BCTC-KTTV ngày 31/01/2015
của Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C)

ĐVT : VNĐ

Chỉ tiêu		Mã số	Năm 2014	Năm 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	55,450,983,854	37,691,395,324
2	Các khoản giảm trừ	2	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	55,450,983,854	37,691,395,324
4	Giá vốn hàng bán	11	42,364,261,518	31,800,820,976
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	13,086,722,336	5,890,574,348
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	143,770,638	319,999,084
7	Chi phí tài chính	22	-	-
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23	-	-
8	Chi phí bán hàng	24	2,288,007,502	2,685,756,156
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5,894,645,325	6,027,579,330
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	5,047,840,147	(2,502,762,054)
11	Thu nhập khác	31	92,194,422	2,673,203,120
12	Chi phí khác	32	26,681,408	23,510,304
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	65,513,014	2,649,692,816
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	5,113,353,161	146,930,762
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành (25%)	51	1,265,323,703	36,732,691
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(135,714,899)	-
17	Lợi nhuận phân phối theo qui định pháp luật (60=50-51-52)	60	3,983,744,357	110,198,072
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		
	Quỹ phát triển KH&CN (61=60*10%)	61	398,374,436	11,019,807
	Lợi nhuận phân phối theo nguồn vốn (80=60-61-93-94)	80	3,585,369,921	99,178,264

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch): Căn cứ Thông báo số 08/TB-UBND ngày 10/02/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giao kế hoạch tài chính điều chỉnh năm 2014 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ:

ĐVT : Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Tỷ lệ	
					TH ²⁰¹⁴ so TH ₂₀₁₃	TH so KH
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Doanh thu	50.782	45,166	55.681	123%	110%
2	Chi phí	45.670	40,419	50.573	125%	111%
4	Lợi nhuận trước thuế	5.112	4,747	5.108	108%	100%
5	Tổng phải nộp ngân sách	5.351	4,295	6.688	156%	125%
6	Vốn điều lệ	38.783	38.783	38.783		
7	Lợi nhuận TT / Doanh thu	10%	11%	9%		
8	Lợi nhuận TT / Vốn điều lệ	13%	13%	13%		

- Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp): Không có.

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

+ Thuận lợi:

Công ty đã được UBND thành phố và Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo quyết liệt nhằm tháo gỡ dứt điểm tồn tại vướng mắc tại 8 khu dân cư di dời nhằm giúp cho Công ty thu hồi lại vốn đã ứng thi công bổ sung vào nguồn vốn phát triển Công ty trong thời gian tới. Những kiến nghị của Công ty đều được Thường trực Ủy ban nhân dân huyện xem xét giải quyết kịp thời.

Các chủ đầu tư xây dựng nông thôn mới đã tạo điều kiện và chỉ định thầu cho Công ty thi công các công trình giao thông, xây dựng dân dụng nhằm tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.

Tập thể Hội đồng thành viên, Đảng ủy Công ty, Ban giám đốc Công ty cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã đoàn kết đồng lòng trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

+ Khó khăn:

Công tác quản lý cấp bù giá nước còn gặp nhiều khó khăn đó là: Hệ thống đường ống cấp nước của các vệ tinh hiện nay đã hoạt động trên 10 năm nên đã xuống cấp, từ đó dẫn đến tình trạng thất thoát nước cao, Công ty đã nhiều lần vận động các Chủ vệ tinh tiến hành đầu tư mới nhưng vẫn chưa có kết quả. Nguyên nhân chính là do từ tháng 5/2011 hệ thống đường ống cấp nước Nhà Bè – Cần Giờ đi vào hoạt động, cung cấp nước (giai đoạn 1) cho địa bàn Cần Thạnh, Long Hòa và 01 phần địa bàn Bình Khánh. Từ đó đến nay vệ tinh chưa

được biết giá trị hỗ trợ, đền bù (nếu có) nên vệ tinh có sự ngần ngại trong việc đầu tư, mở rộng. Từ năm 2011 cho đến nay, Công ty đã nhiều lần đề nghị Phòng Tài chính kế hoạch huyện quyết toán giá trị cấp bù hàng năm nhưng vẫn chưa được quyết toán. Từ đó, gây nên những khó khăn cho quá trình quản lý hoạt động công tác cấp bù giá nước của Công ty.

Khối lượng thực hiện công tác kiến thị chính từ năm 2013, 2014 tăng nhưng giá trị giao khoán giảm từ đó ảnh hưởng đến doanh thu và thu nhập của người lao động (cụ thể : Năm 2013 giá trị giao khoán giảm 15,41% so với năm 2012, năm 2014 giá trị giao khoán giảm 22,87% so với năm 2012).

Chất lượng thi công và tiến độ thi công các công trình duy tu giao thông trên bàn huyện trong những năm qua Công ty đều thực hiện hoàn thành tốt nhưng Chủ đầu tư đã không chỉ định thầu cho Công ty mà chỉ định thầu cho các đơn vị tư nhân khác (Năm 2012 giao Công ty thực hiện 11 tỷ, năm 2013 giao Công ty thực hiện: 4,7 tỷ đồng, năm 2014 giao Công ty thực hiện: 2,5 tỷ đồng). Từ đó, lực lượng công nhân cơ hữu để thực hiện các nhiệm cấp bách như Phòng chống lụt bão, dịch bệnh của Công ty giảm có thể ảnh hưởng đến công tác phục vụ (nếu xảy ra).

Các dự án khu dân cư (08 khu): Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư 03 khu Cọ Dầu, Cá Cháy, Bà Xán; các khu dân cư còn lại đã được đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng nhưng chưa giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư nên Công ty chưa thể trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư để làm cơ sở Công ty quyết toán chi phí đầu tư và thu hồi vốn về cho Công ty.

- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

+ Phân đầu duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm là 10%/năm.

+ Tiếp tục duy trì và phát huy ngành nghề truyền thống là cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích trên địa bàn huyện; khai thác có hiệu quả các thiết chuyên dùng đã được đầu tư mới như máy hút bùn (nạo vét cống, hầm ga), xe vận chuyên rác (04 xe), xe cầu thùng (01 xe), xe bồn tưới nước (02 xe).

+ Tham gia đấu thầu các công trình có quy mô lớn trên địa bàn huyện (công trình Kè đê biển Cần Giờ) và mở rộng tham gia đấu thầu các công trình ngoài địa bàn huyện; Tham gia thi công công trình nhà máy xử lý rác 30ha và các dự án do các doanh nghiệp tư nhân đầu tư trên địa bàn. Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở tại khu đất kho 360 nằm trên đường Lê Trọng Mân thị trấn Cần Thạnh. Đến cuối năm 2015 đầu tư xây dựng hoàn thành dự án và đưa vào kinh doanh khai thác trong năm 2016 – 2017.

+ Tổ chức bàn giao các khu dân cư phục vụ chương trình di dời 1.280 hộ sống ven sông, ven biển vùng trũng thấp trên địa bàn huyện cho các ngành chức năng quản lý. Đầu tư và khai thác bãi vật tư Giồng Ao để cung cấp vật tư cho các dự án chuẩn bị triển khai trên địa bàn thị trấn Cần Thạnh như công trình kè đê biển Cần Giờ, Đường Lương Văn Nho (nối dài), Đầu tư xây dựng và kinh doanh nghĩa trang 30ha tại xã Bình Khánh sau khi được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận chủ trương đầu tư.

III. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

1. Kiểm toán độc lập :

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

- Ý kiến kiểm toán độc lập :

+ Công ty tạm ghi nhận doanh thu chăm sóc cây xanh, khi chưa được chủ đầu tư là Ủy ban Nhân dân huyện Cần Giờ phê duyệt quyết toán chính thức.

+ Quỹ lương năm 2012 và năm 2013 đã được Hội đồng thành viên thông qua. Tuy nhiên, việc sử dụng và phê duyệt chính thức quỹ lương, các quỹ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của Công ty phụ thuộc vào quyết định chính thức của Chi cục tài chính doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh và các cơ quan có thẩm quyền.

+ Năm 2013, căn cứ Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh, Công ty thực hiện tăng vốn chủ sở hữu bằng nguồn lợi nhuận sau thuế lũy kế đến năm 2012 là 5.729.354.703 VND. Tuy nhiên, việc điều chỉnh hồi tố các sai sót làm lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm 2012 bị giảm và không đủ để tăng vốn chủ sở hữu theo Quyết định này.

- Các nhận xét đặc biệt: Không.

2. Kiểm toán nội bộ: Công ty không có bộ phận kiểm toán nội bộ

IV. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP :

1. Hội đồng thành viên:

- Thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên:

S T T	Họ và tên	Chức vụ		Trình độ		Năm kinh nghiệp công tác	Đơn vị bổ nhiệm
		Đơn vị	Công ty khác	Chuyên môn	Chính trị		
1	Đặng Văn Thiện	Chủ tịch HĐQT	Không	Kỹ sư xây dựng cầu đường; Cử nhân xây dựng Đảng, chính quyền, nhà nước	Cao cấp	22	Chủ tịch UBND Tp HCM
2	Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty	Không	Cử nhân kinh tế; Cử nhân kinh tế, chính trị; Kỹ sư xây dựng cầu đường	Cao cấp	15	Chủ tịch UBND Tp HCM
3	Nguyễn Văn Tư	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty	Không	Cử nhân Luật	Cao cấp	6	Chủ tịch HĐQT công ty

- Hoạt động của Hội đồng thành viên: Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều 20 Điều lệ Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Cần Giờ ban hành kèm theo Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2011 của Chủ tịch UBND thành phố.

Trong năm 2014, Hội đồng thành viên quản lý, điều hành hoạt động công ty đạt hiệu quả cao; hoàn thành tất cả các chỉ tiêu tài chính do UBND thành phố giao; đảm bảo việc làm, ổn định và nâng cao thu nhập, đời sống người lao động.

- Nguyên tắc làm việc của Hội đồng thành viên:

+ Hội đồng thành viên làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa bảo đảm phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể Hội đồng thành viên, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên.

+ Giải quyết công việc theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật; bảo đảm sự giám sát của Chủ sở hữu trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định.

+ Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng quy định Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên và quy định của pháp luật.

+ Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.

2. Kiểm soát viên

- Danh sách thành viên và cơ cấu Kiểm soát viên:

S T T	Họ và tên	Chức vụ		Trình độ		Năm kinh nghiệp công tác	Đơn vị bổ nhiệm
		Đơn vị	Công ty khác	Chuyên môn	Chính trị		
1	Nguyễn Văn Dẫn	Kiểm soát viên	Không	Cử nhân kinh tế	Trung cấp	5	Chủ tịch UBND Tp HCM

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc

DVT: Đồng

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thu nhập khác	Tổng thu nhập
1	Đặng Văn Thiện	Chủ tịch	240.000.000		14.084.400	254.084.400
2	Nguyễn Văn Hiếu	Giám đốc công ty	230.400.000		14.890.800	245.290.800
3	Nguyễn Văn Tư	Phó Giám đốc công ty	201.600.000		12.571.500	214.171.500
4	Nguyễn Văn Dẫn	Kiểm soát viên	216.719.942		12.813.000	229.532.942
Tổng cộng			888.719.942		54.359.700	943.079.648

4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

- Các nguyên tắc về đạo đức của doanh nghiệp:
 - + Quy chế văn hóa Doanh nghiệp;
 - + Thỏa ước lao động tập thể;
 - + Nội quy lao động;
- Các chính sách khác của doanh nghiệp để bảo đảm đạo đức và trách nhiệm của đội ngũ quản lý:
 - + Tiêu chí thi đua nội bộ;
 - + Quy định về thực hiện chế độ nâng bậc, nâng lương thường xuyên đối với CNVC- Người lao động;
 - + Quy chế quản lý sử dụng tài sản thiết bị công ty;
 - + Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ;
 - + Quy định về công tác bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ;
 - + Quy chế dân chủ cơ sở;
 - + Quy chế đối thoại định kỳ tại nơi làm việc;
 - + Quy chế văn hóa Doanh nghiệp;
 - + Thỏa ước lao động tập thể;
 - + Nội quy lao động;
 - + Quy chế trả lương, thưởng đối với người lao động;
 - + Quy chế tuyển dụng lao động;

5. Về việc báo cáo tài chính

- Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán doanh nghiệp phải tuân thủ:
 - + Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
 - + Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
 - Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.
- Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.
- Tình hình kiểm toán nội bộ: Công ty không có bộ phận kiểm toán nội bộ.

6. Về quản lý rủi ro

6.1. *Tổng quan:* Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

6.2. *Rủi ro tín dụng:* Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

6.2.1. *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến các khoản phải thu các cơ quan ban ngành sử dụng ngân sách Nhà nước của huyện Cần Giờ với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chiếm 96% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 96%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

6.2.2. *Tiền gửi ngân hàng:* Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

Việc trả tiền lương, tiền thưởng cho viên chức quản lý và người lao động thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng đã được Công ty ban hành.

7.1. *Chính sách tiền lương:*

- Đối với người lao động: Căn cứ vào tình hình, đặc điểm sản xuất, tổ chức lao động, Công ty qui định các hình thức trả lương như sau:

+ Hình thức trả lương thời gian: dùng để trả cho những người lao động thuộc khối văn phòng bao gồm các nhân viên quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, thừa hành thực vụ. Cụ thể:

Tổng lương/tháng = (Mức lương tối thiểu vùng hiện hành + các khoản phụ cấp + tiền ăn giữa ca) + Lương bổ sung.

Trong đó:

Mức lương tối thiểu vùng hiện hành là 2.400.000 đồng (sẽ điều chỉnh khi có quy định mới).

Các khoản phụ cấp: Phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại.

Tiền ăn giữa ca: 620.000 đồng/người/tháng

Lương bổ sung bao gồm lương được trả từ các tiêu chí: tiêu chí về trình độ chuyên môn nghiệp vụ (chiếm 20%), tiêu chí về thâm niên công tác (chiếm 20%) và tiêu chí về hiệu quả thực hiện công việc (chiếm 60%). Mức độ hoàn thành công việc hàng tháng được đánh giá theo tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn do thủ trưởng trực tiếp giao (Tiêu chí thi đua được ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-DVCI ngày 26/02/2014 của Công ty) do Trưởng bộ phận đánh giá, nhận xét và Giám đốc quyết định công nhận.

Cách xác định lương bổ sung: Giao Trưởng các bộ phận trực thuộc tổ chức chấm công và gửi về Phòng Kế toán - Tài vụ trước 02 ngày làm việc kể từ đầu tháng tính lương.

Ban lãnh đạo các Phòng, Xí nghiệp có trách nhiệm xét duyệt Mức độ hoàn thành công việc hàng tháng cho cán bộ, nhân viên thuộc phòng mình kể cả nhân viên hưởng lương khoán, lương sản phẩm, lương vụ việc.

Việc xét mức độ hoàn thành công việc phải đảm bảo tính chính xác và khách quan. Danh sách đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng Phòng, Xí nghiệp được gửi về Phòng Tổ chức - Hành chính và để kế toán lao động tiền lương làm cơ sở thanh toán lương trước 02 ngày làm việc kể từ đầu tháng tính lương.

Ban giám đốc có trách nhiệm xét duyệt mức độ hoàn thành công việc cho các đối tượng sau: Các Trưởng, Phó các bộ phận trực thuộc công ty.

+ Hình thức trả lương khoán: dùng để trả lương cho bộ phận, người lao động thực hiện khoán sản phẩm, hợp đồng thời vụ.

Căn cứ tính chất công việc, điều kiện làm việc Công ty xây dựng các mức lương khoán ngày trên cơ sở mức lương tối thiểu vùng, cấp bậc công việc bình quân 3,5/7 đối với thợ cơ khí, thợ xây lắp; bậc 2/7 đối với thợ phụ và giá nhân công đối với lao động phổ thông trung bình trên địa bàn cộng với yếu tố giá cả sinh hoạt.

- Đối với viên chức quản lý:

Tiền lương đối với viên chức quản lý được xác định và trả lương gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát và có không chế mức hưởng tối đa.

Quỹ tiền lương của Viên chức quản lý chuyên trách được xác định hàng năm, tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động. Căn cứ vào quỹ tiền lương kế hoạch do Công ty xác định, hàng tháng Viên chức quản lý được tạm ứng bằng 80% của số tiền lương tháng đó; 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Quỹ tiền lương của Viên chức quản lý được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh và thể hiện thành một mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

7.2. Chính sách tiền thưởng:

- Đối với người lao động:

+ Nguồn hình thành Quỹ tiền thưởng: Trích từ quỹ khen thưởng, phúc lợi hàng năm: Quỹ này được hình thành từ lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước; Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được thực hiện theo Khoản 3 Điều 38 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Doanh nghiệp xếp loại A được trích tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

+ Doanh nghiệp xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

+ Doanh nghiệp xếp loại C được trích tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

Tỷ lệ trích quỹ tiền thưởng do Hội đồng thành viên công ty phê duyệt sau khi tham khảo ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở, Giám đốc Công ty ban hành quyết định.

+ Hình thức trả thưởng: Thưởng định kỳ (Thưởng cuối năm và Thưởng các ngày lễ lớn của đất nước); Thưởng đột xuất.

- Đối với viên chức quản lý:

+ Mức khen thưởng đối với viên chức quản lý doanh nghiệp: Hàng năm căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, viên chức quản lý doanh nghiệp được xét chi thưởng từ Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp như sau:

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Được thưởng tối đa 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý doanh nghiệp.

Hoàn thành nhiệm vụ: Được thưởng tối đa 1 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý doanh nghiệp.

Không hoàn thành nhiệm vụ: Không được chi thưởng.

+ Quỹ tiền thưởng của Viên chức quản lý được xác định theo năm theo quy định của Chính phủ, tương ứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành; được trả thưởng vào cuối năm theo tỷ lệ so với tổng số tiền thưởng của cả năm, phần còn lại được trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ theo quy định.

8. Nhận xét, đánh giá về tình hình hoạt động của doanh nghiệp và kiến nghị, đề xuất

- Trong năm 2014, mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng với quyết tâm của Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc công ty trong quản lý, điều hành và sự đoàn kết, nỗ lực của toàn thể người lao động trong thực hiện nhiệm vụ, công ty đã thực hiện hoàn thành tất cả các chỉ tiêu tài chính do UBND thành phố giao; đảm bảo việc làm, ổn định và nâng cao thu nhập, đời sống của người lao động.

- Một số khó khăn chủ yếu:

+ Công tác quản lý cấp bù giá nước còn gặp nhiều khó khăn đó là: Hệ thống đường ống cấp nước của các vệ tinh hiện nay đã hoạt động trên 10 năm nên đã xuống cấp, từ đó dẫn đến tình trạng thất thoát nước cao, Công ty đã nhiều lần vận động các Chủ vệ tinh tiến hành đầu tư mới nhưng vẫn chưa có kết quả. Nguyên nhân chính là do từ tháng 5/2011 hệ thống đường ống cấp nước Nhà Bè – Cần Giờ đi vào hoạt động, cung cấp nước (giai đoạn 1) cho địa bàn Cần Thạnh, Long Hòa và 01 phần địa bàn Bình Khánh. Từ đó đến nay vệ tinh chưa được biết giá trị hỗ trợ, đền bù (nếu có) nên vệ tinh có sự ngần ngại trong việc đầu tư, mở rộng. Từ năm 2011 cho đến nay, Công ty đã nhiều lần đề nghị Phòng Tài chính kế hoạch huyện quyết toán giá trị cấp bù hàng năm nhưng vẫn chưa được quyết toán. Từ đó, gây nên những khó khăn cho quá trình quản lý hoạt động công tác cấp bù giá nước của Công ty.

+ Khối lượng thực hiện công tác kiến thị chính từ năm 2013, 2014 tăng nhưng giá trị giao khoán giảm từ đó ảnh hưởng đến doanh thu và thu nhập của người lao động (cụ thể : Năm 2013 giá trị giao khoán giảm 15,41% so với năm 2012, năm 2014 giá trị giao khoán giảm 22,87% so với năm 2012).

+ Chất lượng thi công và tiến độ thi công các công trình duy tu giao thông trên bàn huyện trong những năm qua Công ty đều thực hiện hoàn thành tốt nhưng Chủ đầu tư đã không chỉ định thầu cho Công ty mà chỉ định thầu cho các đơn vị tư nhân khác (Năm 2012 giao Công ty thực hiện 11 tỷ, năm 2013 giao Công ty thực hiện: 4,7 tỷ đồng, năm 2014 giao Công ty thực hiện: 2,5 tỷ đồng).

+ Các dự án khu dân cư (08 khu): Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư 03 khu Cọ Dầu, Cá Cháy, Bà Xán; các khu dân cư còn lại đã được đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng nhưng chưa giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư nên Công ty chưa thể trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư để làm cơ sở Công ty quyết toán chi phí đầu tư và thu hồi vốn về cho Công ty.

- Đề xuất, kiến nghị:

+ Đề nghị UBND huyện giao toàn bộ công tác duy tu sửa chữa cầu đường trên địa bàn các xã, thị trấn huyện để Công ty thực hiện (theo khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 6186/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố) và đảm bảo tỷ trọng doanh thu sản phẩm dịch vụ công ích theo quy định tại Khoản 2 và 4, Điều 16 Thông tư Số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính : *“Đối với doanh nghiệp được thành lập và thực tế hoạt động thường xuyên ổn định và chủ yếu là cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thì doanh nghiệp có tỷ trọng doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích của nhà nước lớn hơn hoặc bằng 70% tổng doanh thu của doanh nghiệp”* .

+ Đề nghị UBND huyện chỉ đạo tổ quyết toán cấp bù giá nước quyết toán kinh phí cấp bù giá nước tồn đọng từ các năm 2011 – 2012 – 2013 và quyết toán năm 2014 trong năm 2015 . Nhằm để công ty hạch toán đúng số liệu quyết toán liên quan đến công tác cấp bù giá nước theo đề nghị của Kiểm toán độc hàng năm và để phục vụ tốt cho công tác cổ phần hóa doanh nghiệp theo lộ trình của Chính phủ.

+ Đề nghị UBND huyện thanh quyết toán các khoản nợ tồn đọng: Kiên thiết thị chính, Duy tu giao thông, Duy tu thủy lợi từ năm 2004 đến năm 2010 số tiền là 1.674.651.000 đồng.

+ Các dự án khu dân cư (08 khu): Ủy ban nhân dân Thành phố ghi danh mục và vốn đầu tư các khu dân cư còn lại (Đồng Tranh, Hòa Hiệp, Giồng Ao, Vàm sát 2) thuộc Đề án di dời 1.280 hộ sống ven sông, ven biển, vùng trũng thấp trên địa bàn huyện Cần Giờ để Công ty làm cơ sở hoàn tất các thủ tục đầu tư và thu hồi vốn về cho Công ty.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông thành phố;
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp thành phố;
- UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Phòng LĐTĐ-XH huyện;
- Lưu.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu